TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 150/2024/HNGĐ-ST Ngày: 27/9/2024 *"tranh chấp về ly hôn, giải quyết nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Bùi Quang Năng

- *Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Kim Phương

Ông Nguyễn Tất Thể.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2024/ TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, giải quyết nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 140/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Mạnh Q; Sinh năm 1976; Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang lao động tại Hàn Quốc); Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai chị Nguyễn Thi T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Mạnh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2002 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên tại thời điểm kết hôn chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Do bản thân anh chị thiếu hiểu biết pháp luật, cán bộ tư pháp không kiểm tra và giải thích cho anh chị về quy định độ tuổi kết hôn nên đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh chị. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, thường xuyên tranh cãi. Năm 2014 anh Q đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, do sống xa cách nhau cùng với sự bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng ít khi liên lạc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin được chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Anh H, sinh ngày 30/5/2002 và Trần Thị Mai A, sinh ngày 10/6/2005. Các con đã trưởng thành nên ở với ai do các con tự quyết định.

Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Trần Mạnh Q tại Hàn Quốc mà chỉ biết anh thường gọi điện về cho mẹ đẻ là bà Hoàng Thị X ở thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Chị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh Q qua mẹ anh. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết, đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Mạnh Q hiện đang làm việc tại Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại bà Hoàng Thị X ở thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; gọi điện qua tài khoản mạng xã hội với anh Q do gia đình cung cấp, nội dung thể hiện: Anh tên là Trần Mạnh Q, sinh ngày 06/12/1976, có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Anh hiện nay đang lao động tự do tại Hàn Quốc, anh đi từ năm 2014 đến nay, có về nước 1 lần năm 2017 đến nay, do lao động tự do ngoài đảo, không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Anh kết hôn với chị Nguyễn Thi T năm 2002, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, Hà Tĩnh. Do kém hiểu biết nên anh chị không biết tại thời điểm kết hôn chị T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định, anh chị cũng không được cán bộ làm thủ tục đăng ký kết hôn hướng dẫn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau tại thôn B, xã T, đến năm 2014 anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống, mâu thuẫn kinh tế và cách nuôi dạy con cái. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Anh H, sinh ngày 30/5/2002 và Trần Thị Mai A, sinh ngày 10/6/2005. Các con đã trưởng thành nên ở với ai do các con tự quyết định.

Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh hiện nay chưa về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được nên đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh. Các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho mẹ anh là bà Hoàng Thị X nhận thay.

Bà Hoàng Thị X đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, cam kết thông báo lại cho anh Trần Mạnh Q.

Tại công văn số 127/UBND ngày 15/8/2024, UBND xã T có ý kiến như sau: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Mạnh Q làm thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương vào ngày 09/3/2002, số 19, quyển số 01/1999. Việc đăng ký kết hôn được hai anh chị tự nguyện ký vào sổ đăng ký kết hôn. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn, cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ thời điểm đó nhầm lẫn độ tuổi đăng ký kết hôn, tính sai độ tuổi và thiếu sự hiểu biết về quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên dẫn đến việc chị Nguyễn Thị T và anh Trần Mạnh Q đăng ký kết hôn khi chị T chưa đủ 18 tuổi, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 về độ tuổi đăng ký kết hôn. Nay chị Nguyễn Thị T đề nghị chấm dứt hôn nhân với anh Trần Mạnh Q, UBND xã T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử theo quy định pháp luật. Do điều kiện công việc chuyên môn nhiều không sắp xếp được thời gian tham gia tố tụng theo yêu cầu của Tòa án nên đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt UBND xã.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 4 và điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Mạnh Q.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T (Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh) khởi kiện xin ly hôn anh Trần Mạnh Q (Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh), anh Q đang sống và làm việc tại Hàn Quốc. Theo công văn số 429/PA08-Đ1 ngày 07/5/2024 của Phòng Q1 Công an tỉnh H thì anh Trần Mạnh Q đã xuất cảnh chuyến cuối cùng ngày 06/8/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Mạnh Q thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Gia đình anh vẫn thường xuyên liên lạc với anh Q nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh Q. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do điều kiện công việc không về Việt Nam giải quyết vụ án được nên anh Q yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết, xét xử và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho mẹ anh là bà Hoàng Thị X nhận. Chị Nguyễn Thị T vì lý do bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa, có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị T, anh Q theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Mạnh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2002 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, tại thời điểm kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn tính từ ngày sinh 30/3/1985 đến ngày kết hôn 09/3/2002, chị T chưa đủ 17 tuổi, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Như vậy việc kết hôn vi phạm quy định về điều kiện kết hôn tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000: *"Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên"*. Do đó việc kết hôn giữa chị T và anh Q là trái pháp luật.

Theo lời khai của các đương sự, sau khi kết hôn vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và hoàn cảnh kinh tế, hiện nay chị T và anh Q đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án cho ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào khoản 4 Điều 4 và điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình quy định về xử lý kết hôn trái pháp luật: "*trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau: Trường hợp hai bên cùng yêu cầu Tòa án cho ly hôn hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...".* Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T và anh Trần Mạnh Q ly hôn.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Anh H, sinh ngày 30/5/2002 và Trần Thị Mai A, sinh ngày 10/6/2005. Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 4 và điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Mạnh Q.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000853 ngày 23/4/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền

kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh HÀ Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện T, Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Năng